

Số: HHAN-08/15h00/DBQG

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2024

**TIN DỰ BÁO HẠN HÁN VÀ SẠT LỞ ĐẤT, SỤT LÚN ĐẤT DO  
HẠN HÁN TRÊN KHU VỰC TRUNG TRUNG BỘ, NAM TRUNG BỘ**  
(Từ ngày 01 đến ngày 10/7/2024)

**1. Hiện trạng tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trong 10 ngày qua**

- Trong 10 ngày qua, tại khu vực Trung và Nam Trung Bộ có tổng lượng mưa (TLM) phổ biến từ 10-30mm, có nơi trên 50mm, đặc biệt tại A Lưới (Thừa Thiên Huế) đo được 179mm; Ba Tơ (Quảng Ngãi) 147mm. Chuẩn sai lượng mưa phân bố không đều, hầu hết các khu vực phổ biến cao hơn từ 10-30mm, có nơi trên 40mm so với trung bình nhiều năm (TBNN); đặc biệt tại Ba Tơ (Quảng Ngãi) cao hơn 103mm so với TBNN cùng thời kỳ; riêng một số nơi ở khu vực ven biển các tỉnh Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng Quảng Nam và Quảng Ngãi có lượng mưa thấp hơn từ 5-15mm. So với cùng kỳ năm 2023, khu vực Trung và Nam Trung Bộ có TLM phổ biến cao hơn từ 10-30mm, có nơi cao hơn, đặc biệt tại Tuyên Hóa (Quảng Bình) có mưa cao hơn tới 89mm; Ba Tơ (Quảng Ngãi) cao hơn 50mm.

- Khu vực Trung Trung Bộ: Tình hình dòng chảy trên các sông trong khu vực có xu thế tăng nhẹ. Tổng lượng dòng chảy trên các sông thiếu hụt so với TBNN từ 15-25%, các sông như Bến Hải (Quảng Trị) và Vu Gia (Quảng Nam) thấp hơn từ 81-82%; riêng sông Thu Bồn (Quảng Nam) và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn TBNN cùng kỳ là 24% và 40%.

- Khu vực Nam Trung Bộ: Dòng chảy các sông trên khu vực Nam Trung Bộ ít biến đổi. Lưu lượng dòng chảy trung bình các sông biến đổi theo xu thế giảm dần và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 50-90%, riêng sông An Lão tại An Hòa cao hơn 115%, các hồ ở mức thấp hơn từ 30-80%, riêng hồ Vĩnh Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ từ 280% và hồ KaNak xấp xỉ TBNN.

**2. Dự báo diễn biến tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trong 10 ngày tiếp theo**

- Dự báo TLM từ ngày 01-10/7/2024 tại khu vực Trung Bộ phổ biến 20-60mm, có nơi trên 80mm. Chuẩn sai lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ đến thấp

hơn từ 10-20mm so với TBNN; riêng một số nơi thuộc khu vực Bình Định-Khánh Hòa có mưa cao hơn từ 10-20mm so với TBNN cùng thời kỳ.

- Khu vực Trung Trung Bộ: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và có khả năng dao động từ giữa thời kỳ. Tổng lượng dòng chảy trên các sông thiếu hụt từ 37-50%, sông Bến Hải và sông Vu Gia thấp hơn khoảng từ 75-80%; riêng sông Thu Bồn và Trà Khúc cao hơn từ 38-53%.

- Khu vực Nam Trung Bộ: Dòng chảy các sông trên khu vực tiếp tục ít biến đổi. Lưu lượng dòng chảy các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 20-40%, các sông ở Bình Định và Khánh Hòa ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN khoảng 30%; các hồ xấp xỉ TBNN.

**3. Cảnh báo sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán: *Không***

**4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán:**

- *Khu vực Trung Trung Bộ*: cấp 1.

- *Khu vực Nam Trung Bộ*: cấp 1.

**5. Cảnh báo tác động của hạn hán:**

Hạn hán làm giảm năng suất, sản lượng cây trồng, giảm diện tích gieo trồng, tăng chi phí sản xuất nông nghiệp; tăng giá thành và giá cả các lương thực; giảm tổng giá trị sản phẩm chăn nuôi. Hạn hán gây khó khăn cho các nhà máy thủy điện trong quá trình vận hành, làm suy giảm, ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng đến dân sinh, kinh tế-xã hội.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 10/7/2024**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**

## Phụ lục

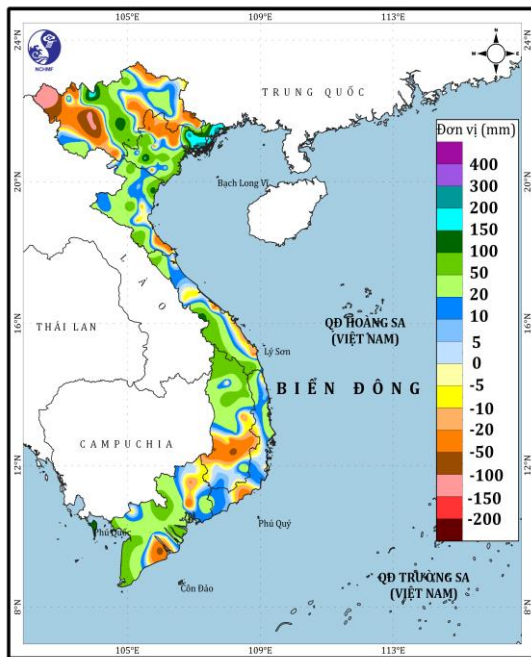
### *Phụ lục 1: Hiện trạng tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt*

*Bảng 1.1: Hiện trạng tổng lượng nước mưa từ ngày 21 đến ngày 30/6/2024*

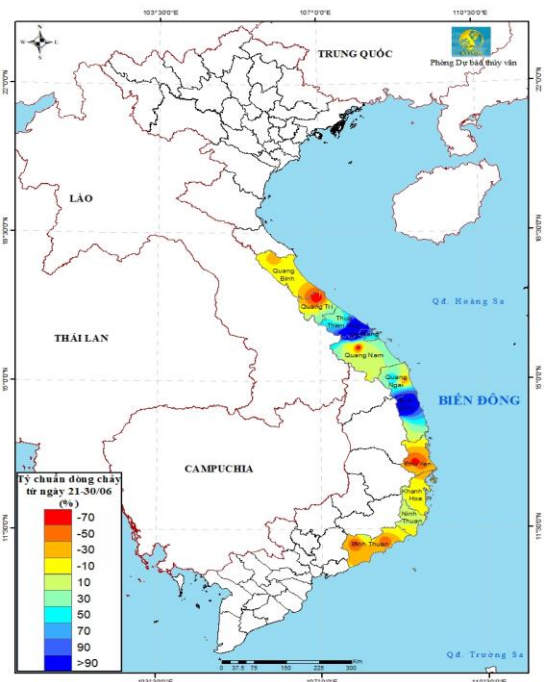
<b>Khu vực/Tỉnh/Huyện</b>	<b>Trạm</b>	<b>Thực đo (mm)</b>	<b>So sánh với TBNN (mm)</b>	<b>So sánh năm trước (mm)</b>
Trung Trung Bộ	Tuyên Hóa	105,4	57,7	89,4
	Đông Hới	40,0	13,6	39,8
	Ba Đồn	14,9	-13,1	13,2
	Cồn Cỏ	55,0	35,7	29,8
	Đông Hà	12,8	-10,9	-21,0
	Khe Sanh	46,5	-6,5	35,8
	Huế	0,5	-24,1	-0,1
	A Lưới	179,3	126,8	28,9
	Nam Đông	85,4	37,5	45,4
	Hoàng Sa	61,9	49,2	60,4
	Đà Nẵng	11,7	-15,6	5,6
	Tam Kỳ	14,6	-13,2	14,2
	Trà My	78,9	19,5	39,7
	Lý Sơn	55,1	35,3	55,1
	Quảng Ngãi	5,5	-25,9	5,5
	Ba Tơ	147,3	103,1	50,0
	Nam Trung Bộ	Hoài Nhơn	6,5	-13,0
An Nhơn		18,1	7,4	15,5
Quy Nhơn		32,3	24,2	21,5
Sơn Hoà		22,3	0,8	15,9
Tuy Hòa		57,9	48,8	37,3
Nha Trang		21,4	5,9	-4,4
Cam Ranh		19,6	-4,0	15,0
Sông Tử Tây		113,4	26,5	62,8
Trường Sa		60,9	-17,7	-14,9
Phan Rang		38,9	20,7	38,9
Phan Thiết		59,2	6,1	-41,0
La Gi		111,8	11,4	56,3
Phú Quý		7,3	-49,2	-116,7
Phan Rí	12,2	-35,4	0,8	

*Bảng 1.2: Hiện trạng tổng lượng nước mặt trên các lưu vực sông từ ngày 21 đến ngày 30/6/2024*

Sông	Trạm	Thực đo (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	So sánh với TBNN (%)	So sánh năm trước (%)
Gianh	Đông Tâm	15,5	<36	>23
Bến Hải	Gia Vòng	0,5	<81	>16
Vu Gia	Thành Mỹ	8,1	<82	<66
Thu Bồn	Nông Sơn	108,0	>24	>1
Trà Khúc	Sơn Giang	97,6	>40	<26
Vê	An Chỉ	5,7	<49	<19
An Lão	An Hòa	111,5	>115,0	>50,0
Ba	Củng Sơn	112,3	<90,0	<74,1
Cái Nha Trang	Đông Trăng	252,3	<13,6	<52,8
Sông Lũy	Sông Lũy	45,8	<63,4	<14,5
La Ngà	Tà Pao	157,2	<72,0	<62,7



*Hình 1,1: Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa 10 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ từ ngày 21 đến ngày 30/6/2024*



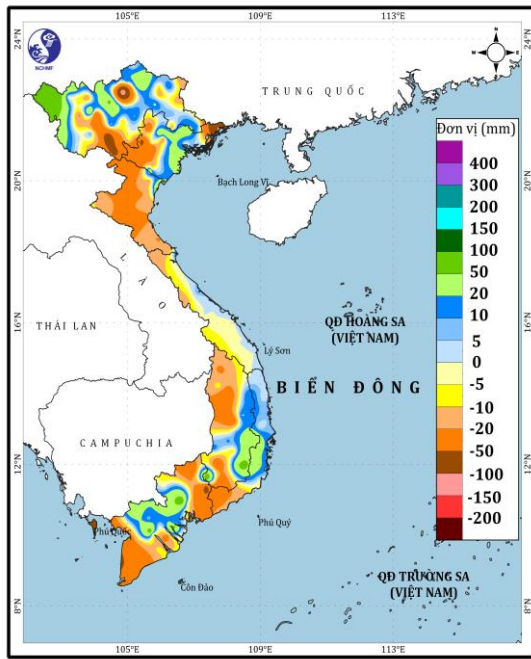
*Hình 1,2: Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy 10 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ từ ngày 21 đến ngày 30/6/2024*

**Phụ lục 2: Dự báo, cảnh báo tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt**  
 Bảng 2,1: Dự báo tổng lượng nước mưa từ ngày 01 đến ngày 10/7/2024

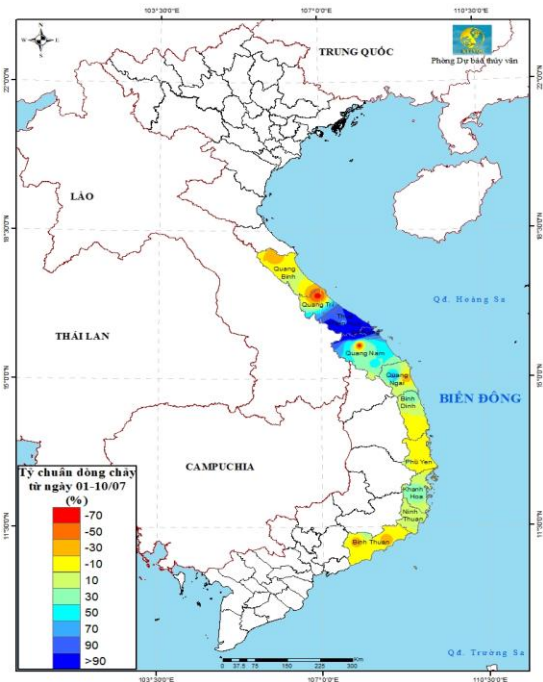
<b>Khu vực/Tỉnh/Huyện</b>	<b>Trạm</b>	<b>Dự báo (mm)</b>	<b>So sánh TBNN (mm)</b>	
Trung Trung Bộ	Tuyên Hóa	10-20	<10-20	
	Đồng Hới	10-20	xấp xỉ	
	Ba Đồn	10-20	xấp xỉ	
	Cồn Cỏ	10-20	>5-10	
	Đông Hà	15-30	>5-15	
	Khe Sanh	15-30	<15-30	
	Huế	20-40	xấp xỉ	
	A Lưới	30-60	xấp xỉ	
	Nam Đông	30-60	xấp xỉ	
	Hoàng Sa	20-50	>20-40	
	Đà Nẵng	15-30	xấp xỉ	
	Tam Kỳ	15-30	xấp xỉ	
	Trà My	20-40	xấp xỉ	
	Lý Sơn	20-40	>15-30	
	Quảng Ngãi	15-30	xấp xỉ	
	Ba Tơ	20-40	xấp xỉ	
	Nam Trung Bộ	Hoài Nhơn	15-30	xấp xỉ
		An Nhơn	15-30	xấp xỉ
		Quy Nhơn	15-30	>5-15
		Sơn Hoà	15-30	xấp xỉ
Tuy Hòa		15-30	>5-15	
Nha Trang		15-30	>5-15	
Cam Ranh		20-40	>10-20	
Song Tử Tây		60-90	<15-30	
Trường Sa		50-80	<10-20	
Phan Rang		15-30	Xấp xỉ	
Phan Thiết		20-50	<10-20	
La Gi (Hàm Tân)		40-70	<15-30	
Phú Quý		20-50	<5-15	
Phan Rí		20-50	<10-20	

Bảng 2,2: Dự báo tổng lượng nước mặt trên các lưu vực sông từ 01 đến ngày 10/7/2024

Sông	Trạm	Dự báo (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	So sánh TBNN (%)
Gianh	Đông Tâm	15,1	<37
Bến Hải	Gia Vòng	0,4	<75
Vu Gia	Thành Mỹ	7,8	<79
Thu Bồn	Nông Sơn	94,2	>38
Trà Khúc	Sơn Giang	84,9	>53
Vệ	An Chỉ	4,8	<49
An Lão	An Hòa	68,3	>29,5
Ba	Củng Sơn	701,6	<36,1
Cái Nha Trang	Đông Trăng	384,5	>29,7
Sông Lũy	Sông Lũy	90,7	<39,3
La Ngà	Tà Pao	430,3	<43,4



Hình 2,1: Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa 10 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ từ ngày 01 đến ngày 10/7/2024



Hình 2,2: Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy 10 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ từ ngày 01 đến ngày 10/7/2024